TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Dần
2. Ông Lưu Đình Tâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P - Sinh năm: 1998

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn L- Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị P, vắng mặt anh Bùi Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L đăng ký kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2023. Nay chị xác định tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã tan vỡ anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn L.

-Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là cháu Bùi Thu T, sinh ngày 14/01/2021. Từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu T ở với chị được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến ngày 21/5/2024 thì anh L đón cháu T về ở với anh L và không cho chị đón con. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn L trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị P đăng ký kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị P.

-Về con chung: : Vợ chồng 01 con chung là cháu Bùi Thu T, sinh ngày 14/01/2021. Từ tháng 10/2023 vợ, chồng sống ly thân thì cháu T ở với mẹ tại xã T, huyện T. Đến ngày 21/5/2024 anh đã đón cháu T về ở với anh tại xã T, huyện T. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh đang làm công việc Lái xe có mức thu nhập hằng tháng trên 10.000.000 đồng nên anh có thể đảm bảo nuôi dạy con đầy đủ kể cả về vật chất lẫn tinh thần.

- Về tài sản: Anh Lưu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Bùi Văn L; Về con chung: Giao cháu Bùi Thu T, sinh ngày 14/01/2021 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu k phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P; Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn L. Anh Lưu cư t tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện kiểm sát được biết. Anh L cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn L có đăng ký kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị P và anh L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ, chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Vợ, chồng nay đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2023. Đến nay cả chị P và anh L đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị P và anh L đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn anh L.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thu T, sinh ngày 14/01/2021. Ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị P và anh L là chính đáng và hợp pháp. Chị L và anh P đều có công ăn việc làm có thu nhập. Tuy nhiên chị P có công việc làm tại nhà, anh L làm nghề lái xe thường phải đi xa, mặt khác cháu T là con gái hiện đang còn nhỏ mới được hơn 3 tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lưu k phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P là phù hợp.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị P và anh Lưu k yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thàn,tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 , khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thu T, sinh ngày 14/01/2021 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn Lưu k1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P. Anh Bùi Văn L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số 0002254 ngày 12/3/2024. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị P, vắng mặt anh L. Chị P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Cẩm;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Nguyễn Thị Hà	**Ngô Thị Ân**	**Bùi Văn Hải**